**Tiết 73,74** **Văn bản 1: NAM QUỐC SƠN HÀ**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường như bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc; nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

**2*.* Về phẩm chất**

Yêu quê hương đất nước, tự hào với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1. Thiết bị : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...
2. Học liệu: Tranh ảnh và phim tư liệu về các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc; các bài thơ luật Đường.

+ Phiếu học tập: sử dụng phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

**III. Tiến trình dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Dự kiến sản phẩm |
| Khởi động | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS xem video và trả lời câu hỏi bên dưới:  https://vtv.vn/video/hao-khi-ngan-nam-thai-uy-ly-thuong-kiet-va-tran-chien-tren-song-nhu-nguyet-phan-4-182398.htm  - Qua video, em cảm nhận như thế nào về nhân vật Lí Thường Kiệt?  - Em nhận xét gì về khung cảnh trận chiến và khí thế của quân ta trong trận chiến?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS xem, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận**  HS khác có thể bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt vào bài học.  **🡺GV dẫn vào bài:**  *Chiến thắng quân Tống trên sông Như Nguyệt là một trong những chiến thắng có bước ngoặt lịch sử, đánh dấu một giai đoạn độc lập của dân tộc ta khi đánh tan quân xâm lược phương Bắc. Sau chiến thắng, trong không khí hào hùng, có một bài thơ mang tên “Nam quốc sơn hà” được xem là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc chúng ta đã vang lên nhằm khẳng định chủ quyền lãnh thổ cũng như bày tỏ lòng quyết tâm đối với kẻ thù xâm lược rằng: dân tộc Việt Nam sẽ kiên quyết giữ vững nền độc lập này, bất cứ một kẻ thù nào có ý đồ xâm lược đều phải trả giá. Đồng thời đây là bài thơ tứ tuyệt luật Đường đặc sắc. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của* ***Bản tuyên ngôn độc lập lần thứ*** *nhất này.* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình thành kiến thức** | |
| **\*NV1: Tìm hiểu chung về thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Trao đổi theo cặp đôi: Hoàn thành **Phiếu học tập 01**. Tìm hiểu về khái niệm và đặc điểm thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi PHT số 01 đã chuẩn bị ở nhà.  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS dựa vào phiếu học tập đã thống nhất để trả lời.  - Các cặp đôi khác bổ sung.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, bổ sung.  **\*NV2: Bảng luật, niêm, vần, đối của thơ bát cú và tứ tuyệt luật Đường**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS hoàn thành **Phiếu học tập số 02** và **Phiếu học tập số 03** theo cặp.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và thảo luận theo cặp.  - GV quan sát,khích lệ học sinh.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Đại diện một số cặp trình bày.  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV chuẩn hoá kiến thức.  - GV cung cấp thêm cho HS.  **\*NV3: Phân tích ví dụ minh họa về thể thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu hoạt động nhóm:  **+ Nhóm 1, 2:** Nêu bố cục, luật, niêm, vần, đối của bài thơ *Tự tình (Bài 2)* của Hồ Xuân Hương.  **+ Nhóm 3, 4:** Nêu bố cục, luật, niêm, vần, đối của bài thơ *Vọng nguyệt* (ngắm trăng)của Hồ Chí Minh.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và thảo luận.  - GV quan sát,khích lệ học sinh.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **I. Kiến thức Ngữ văn về thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường**  **1. Khái niệm và đặc điểm**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khái niệm và đặc điểm** | **Thất ngôn bát cú luật Đường** | **Thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường** | | 1. Khái niệm | Là các thể thơ làm theo những nguyên tắc thi luật chặt chẽ được đặt ra từ đời Đường. | | | 2. Số câu-số chữ | Mỗi bài có tám câu – mỗi câu có 7 chữ. | Mỗi bài có bốn câu – mỗi câu có 7 chữ. | | 3. Bố cục | - Thường chia 4 phần:  + Đề (câu 1, 2): mở đầu và bắt đầu phát triển ý của bài thơ.  + Thực (câu 3, 4): triển khai ý của đề tài, miêu tả cụ thể về tình cảnh, sự việc).  + Luận (câu 5, 6): mở rộng, phát triển ý nghĩa vốn có hoặc đi sâu hơn vào tâm trạng, cảm xúc).  + Kết (câu 7, 8): thâu tóm ý nghĩa cả bài và kết ý.  - Có thể chia theo các cách khác: bốn câu đầu – bốn câu cuối, sáu câu đầu – hai câu cuối,... | - Thường chia 4 phần:  + Khai (câu 1): khai mở ý của bài thơ.  + Thừa (câu 2): thường làm rõ thêm ý hoặc mạch cảm xúc của phần “Khai”.  + Chuyển (câu 3): chuyển ý.  + Hợp (Câu 4): kết ý.  - Có thể chia hai phần: câu 1 – 2 và câu 3 – 4. | | 4. Luật thơ | - Luật bằng trắc thường được tóm tắt bằng câu: “nhất – tam – ngũ bất luận, nhị - tứ - lục phân minh” tức là các tiếng thứ nhất, thứ ba, thứ năm trong câu không cần sắp xếp theo đúng luật bằng, trắc; còn các tiếng thứ hai, thứ tư, thứ sáu trong câu cần thể hiện luật bằng/trắc rõ ràng.  - Nếu tiếng thứ hai ở câu một là tiếng thanh bằng (thanh ngang hoặc huyền) thì gọi là luật bằng. Nếu tiếng thứ hai ở câu một là tiếng thanh trắc (các thanh sắc, hỏi, ngã, nặng) thì gọi là luật trắc.  **Lưu ý**: Các thanh bằng, trắc phải đan xen nhau trong một câu đảm bảo sự hài hoà, cân bằng: ở chữ 2, 4, 6 trong mỗi cặp câu phải ngược nhau về thanh bằng, trắc… | | | 5. Niêm | Hai câu thơ được niêm với nhau khi tiếng thứ hai của hai câu cùng theo một luật, hoặc cùng là bằng, hoặc cùng là trắc; như vậy, bằng niêm với bằng, trắc niêm với trắc. | | | Câu 1 niêm với câu 8; câu 2 niêm với câu 3; câu 4 niêm với câu 5; câu 6 niêm với câu 7 và câu 8 lại niêm với câu 1. | Câu 1 niêm với câu 4; câu 2 niêm với câu 3. | | 6. Vần | Bài thơ chỉ hiệp theo một vần (độc vận), vần gieo ở cuối câu thơ đầu và cuối các câu chẵn (vần chân), vần được sử dụng thường là vần bằng. | | | 7. Nhịp | Thường là 2/2/3 hoặc 4/3. | | | 8. Đối | Câu thứ 3 đối với câu thứ 4, câu thứ 5 đối với câu thứ 6. | Không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thơ thất ngôn bát cú. |   **Lưu ý:** Những bài thơ không tuân thủ các quy định về luật thơ nêu trên thì gọi là “thất luật” hay còn gọi là “phạm luật thơ”  **2. Bảng luật, niêm, vần, đối trong thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Thơ thất ngôn bát cú luật bằng vần bằng** | | | | | | | |  | **Thơ thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng** | | | | | | | |  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | | 1 |  | B |  | T |  | B | Vần |  |  | T |  | B |  | T | Vần | | 2 |  | T |  | B |  | T | Vần |  |  | B |  | T |  | B | Vần | | 3 |  | T |  | B |  | T |  | Đối |  | B |  | T |  | B |  | | 4 |  | B |  | T |  | B | Vần |  | T |  | B |  | T | Vần | | 5 |  | B |  | T |  | B |  | Đối |  | T |  | B |  | T |  | | 6 |  | T |  | B |  | T | Vần |  | B |  | T |  | B | Vần | | 7 |  | T |  | B |  | T |  |  |  | B |  | T |  | B |  | | 8 |  | B |  | T |  | B | Vần |  |  | T |  | B |  | T | Vần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Thơ thất ngôn tứ tuyệt luật bằng vần bằng** | | | | | | | |  | **Thơ thất ngôn tứ tuyệt luật trắc vần bằng** | | | | | | | |  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | | 1 |  | B |  | T |  | B | Vần |  |  | T |  | B |  | T | Vần | | 2 |  | T |  | B |  | T | Vần |  |  | B |  | T |  | B | Vần | | 3 |  | T |  | B |  | T |  |  |  | B |  | T |  | B |  | | 4 |  | B |  | T |  | B | Vần |  |  | T |  | B |  | T | Vần |   **3. Ví dụ minh họa**  **a. Ví dụ 1: TỰ TÌNH (bài 2)**  - Hồ Xuân Hương –  *Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,*  *Trơ cái hồng nhan với nước non.*  *Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,*  *Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.*  *Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,*  *Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.*  *Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,*  *Mảnh tình san sẻ tí con con!.*  **\* Thể thơ:** Thất ngôn bát cú luật Đường (8 câu – mỗi câu có 7 chữ).  **\*Về bố cục: 4 phần:**   - Đề (hai câu đầu): Nỗi niềm buồn tủi cô đơn của nữ sĩ trong đêm khuya thanh vắng.  - Thực (hai câu tiếp): Tình cảnh đầy chua xót, bẽ bàng.  - Luận ( hai câu tiếp theo): Thái độ phản kháng phẫn uất.  - Kết (hai câu cuối): Tâm trạng chán chường, buồn tủi.  **\*Về niêm và luật bằng trắc:**  **- Về luật bằng trắc:** đây là bài thơ thất ngôn bát cú luật bằng:  *Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,*  B B B T T B B  *Trơ cái hồng nhan với nước non.*  B T B B T T B  *Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,*  T T B B B T T  *Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.*  B B T T T B B  *Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,*  B B T T B B T  *Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.*  B T B B T T B  *Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,*  T T B B B T T  *Mảnh tình san sẻ tí con con!.*  T B B T T B B   * **Về niêm:** niêm ở các cặp câu sau: câu 2 và 3 (chữ thứ 2 cùng thanh T); câu 4 và 5 (chữ thứ 2 cùng thanh B); câu 6 và 7 (chữ thứ 2 cùng thanh T).   **\*Về vần và nhịp:**  - Gieo vần bằng ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8 (dồn - *non – tròn – hòn – con*).  - Ngắt nhịp: chủ yếu là 4/3; trừ câu thứ 2 ngắt nhịp theo 1/3/3 (*Trơ/cái hồng nha/với nước non*).  **\*Về đối: các phép đối ở hai câu thực và hai câu luận:**  *Chén rượu hương đưa/ say lại tỉnh,*  *Vầng trăng bóng xế/ khuyết chưa tròn.*  *Xiên ngang mặt đất,/rêu từng đám,*  *Đâm toạc chân mây,/ đá mấy hòn.*  **b. Ví dụ 2:**  **Bài thơ *Vọng nguyệt***  **- Hồ Chí Minh –**  *Ngục trung vô tửu diệc vô hoa*  *Đối thử lương tiêu nại nhược hà?*  *Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt*  *Nguyệt tòng song khích khán thi gia.*  \* **Thể thơ:** Thất ngôn từ tuyệt luật Đường  **\* Bố cục:** Có thể chia theo 2 cách:  - Cách 1: Chia bài thơ thành 4 phần:  + Khai (câu 1): giới thiệu hoàn cảnh ngắm trăng của nhà thơ.  + Thừa (câu 2): bổ sung ý về hoàn cảnh ngắm trăng và giữ mạch cảm xúc.  + Chuyển (câu 3): Từ hoàn cảnh đến hoạt động ngắm trăng của người tù – thi sĩ.  + Hợp (câu 4): Kết thúc bài thơ là sự giao hòa của trăng và người tù – thi sĩ.  **-** Cách 2: Chia bài thơ thành2 phần:  + Câu 1 - 2: Hoàn cảnh ngắm trăng của Bác.  + Câu 3 - 4: Sự giao hòa đặc biệt giữa người tù và thi sĩ.  **\* Về luật bằng trắc:** Bài thơ thất ngôn tứ tuyệt luật bằng  Tuy nhiên, chữ thứ 6 của câu 3 (“minh”), theo bảng luật phải được gieo với “thanh trắc” mà ở bài thơ này lại được gieo với “thanh bằng”, vậy nếu theo ‘nhị - tứ - lục phân minh” thì đây là yếu tố tạo nên sự “thất luật”.  \* **Về niêm:** niêm ở các cặp câu sau: câu 1 và 4 (chữ thứ 2 cùng thanh bằng); câu 2 và 3 (chữ thứ 2 cùng thanh trắc).  **\* Về vần và nhịp:**  - Gieo vần ở cuối các câu 1, 2, 4 (qua – hà – gia).  - Ngắt nhịp 2/2/3; 4/3. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhiệm vụ 1:** *Thực hiện dự án ở nhà để trình bày hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm.*  **Nhiệm vụ 2:** *GV hướng dẫn đọc.*  - Giọng chậm rãi, chắc, hào hùng, đanh thép, hứng khởi.  - Gv đọc phiên âm - dịch nghĩa - dịch thơ.  **Nhiệm vụ 3:** *Nêu đề tài của văn bản*  (? Bài thơ được coi là bản tuyên ngôn độc lập, vậy em hiểu tuyên ngôn độc lập là gì?)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS về nhà chuẩn bị theo nhóm đã được phân công.  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận**  - HS báo cáo dựa trên sản phẩm đã chuẩn bị.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  **Gv bổ sung:**  - Bài thơ từng được coi là **bài thơ thần** (do thần sáng tác) - Thần linh hóa tác phẩm văn học nhằm nâng ý nghĩa thiêng liêng của nó. Nó được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta (**Tuyên ngôn độc lập** là [văn bản](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_b%E1%BA%A3n) tuyên bố sự [độc lập](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%99c_l%E1%BA%ADp) của một [quốc gia](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BB%91c_gia), thường là ra đời để khẳng định [chủ quyền](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%A7_quy%E1%BB%81n) của quốc gia vừa giành lại từ tay [ngoại bang](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ngo%E1%BA%A1i_bang&action=edit&redlink=1). Có [văn bản](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_b%E1%BA%A3n) không mang tên như vậy, nhưng có ý nghĩa tương tự, cũng được coi là tuyên ngôn độc lập.)  **- Thơ trung đại VN:**  + Viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm.  + Có nhiều thể: Thất ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú.  - “ *Nam Quốc Sơn Hà* “ - nguyên văn bài thơ chữ Hán.  ***- Hoàn cảnh ra đời:*** Năm 1077, quân Tống xâm lược nước ta, vua Lý Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt, một trong những danh tướng xuất sắc nhất thời Lý, đem quân chặn giặc ở phòng tuyến sông Như Nguyệt. Bỗng một đêm, quân sĩ chợt nghe tiếng ngâm bài thơ này trong đền thờ Trương Hống và Trương Hát. | **II. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**  **1. Tác giả**  - Chưa rõ ràng.  - Có tài liệu ghi là: Lý Thường Kiệt.  **2. Tác phẩm**  **a. Xuất xứ**: ra đời năm 1077 – đánh quân Tống xâm lược.  **b. Thể thơ:** Thất ngôn tứ tuyệt luật Đường (Toàn bài có 4 câu, mỗi câu 7 chữ).  **c. Đề tài**  Được xem là bản **tuyên ngôn độc lập** đầu tiên của dân tộc, tuyên bố về chủ quyền lãnh thổ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*NV1: Tìm hiểu thi luật thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường biểu hiện qua bài thơ**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Trao đổi theo bàn: Hoàn thành **Phiếu học tập 04** Tìm hiểu về thi luật thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường biểu hiện qua bài thơ *Nam quốc sơn hà*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi PHT số 04.  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS dựa vào phiếu học tập đã thống nhất để trả lời.  Bước 4: **Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức.  **\* NV 2:Tìm hiểu 2 câu đầu:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên yêu cầu HS thực hiện **phiếu học tập 05 theo nhóm bàn.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thảo luận theo nhóm bàn, hoàn thành PHT 05.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời 1 – 2 nhóm bàn báo cáo sản phẩm.  - Nhóm khác theo dõi.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  *→*  Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  **Bổ sung nhấn mạnh**  - **Câu thơ 2:** đó là niềm tin sắt đá vào chân lý: Tạo hoá đó định sẵn nước Nam là của người Nam. Chân lý này đã thành sự thật hiển nhiên trong thực tế nhưng càng rõ ràng hơn, vững chắc hơn khi đã được ghi chép và ấn định tại sách trời.  **GV liên hệ:** *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi, tác phẩm tuyên ngôn độc lập thứ hai.  **NV 3*: Cảnh cáo việc quân giặc sang xâm lược và khẳng định kết cục tốt đẹp của chúng khi xâm lược lãnh thổ nước Nam***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI TẠI BÀN**  - Giáo viên đặt câu hỏi  *1/ Nhận xét về cách diễn đạt ở câu 3 ?*  *2/ Câu thơ 4 khẳng định điều gì? Lời cảnh báo ấy có chính xác không? (Gv liên hệ lịch sử)*  *3/ Nhận xét về nhịp điệu, giọng thơ?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV mời 1 – 2 HS trả lời.  - HS khác lắng nghe để bổ sung ý kiến.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  **NHIỆM VỤ 4*: Chủ đề và cảm hứng chủ đạo của bài thơ***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI TẠI BÀN**  - Giáo viên đặt câu hỏi: *Nêu chủ đề và cảm hứng chủ đạo của bài thơ.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh tiếp nhận nghe và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trả lời.  - HS khác lắng nghe để bổ sung ý kiến.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **Gv mở rộng:**  ? Trong lịch sử nước ta, ngoài văn bản này còn có văn bản nào cũng có ý nghĩa của bản *Tuyên ngôn độc lập* nữa?  - *Bình Ngô đại cáo* - Nguyễn Trãi  - *Tuyên ngôn độc lập* – Hồ Chí Minh | **III/ Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Tìm hiểu thi luật thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường biểu hiện qua bài thơ**  **\* Bố cục:** Bố cục của bài thơ có thể chia theo 2 cách:  - Cách 1: có thể chia bố cục bài thơ thành bốn phần:  + Khai (câu 1): giới thiệu vấn đề chủ quyền với giọng điệu rõ ràng, cương quyết.  + Thừa (câu 2): bổ sung ý đã nhắc đến ở câu 1 và giữ mạch cảm xúc.  + Chuyển (câu 3): chuyển ý sang vấn đề xâm lược lãnh thổ của quân giặc.  + Hợp (câu 4): khẳng định kết cục không tốt đẹp của quân giặc khi xâm lược lãnh thổ nước Nam.  - Cách 2: có thể chia bố cục bài thơ thành 2 phần:  + Câu 1 – 2: giới thiệu vấn đề chủ quyền và khẳng định tính tất yếu không thể thay đổi của chủ quyền đất nước.  + Câu 3 – 4: cảnh cáo việc quân giặc sang xâm lược và khẳng định kết cục không tốt đẹp của chúng khi xâm lược lãnh thổ nước Nam.  **\* Luật thơ:** Tiếng thứ hai của câu một (“quốc”) là tiếng thanh trắc => bài thơ làm theo luật trắc; các tiếng 2 – 4 – 6 ở các câu trong bài tuân thủ luật B, T của bài thơ tứ tuyệt luật trắc vần bằng:  *Nam* ***quốc*** *sơn* ***hà*** *nam* ***đế*** *cư*  *T B T*  *Tiệt* ***nhiên*** *định* ***phận*** *tại thiên* ***thư***  *B T B*  *Như* ***hà*** *nghịch* ***lỗ*** *lai* ***xâm*** *phạm*  *B T B*  *Nhữ* ***đẳng*** *hành* ***khan*** *thủ* ***bại*** *hư*  *T B T.*  \* **Niêm:** Chữ thứ 2 của câu 1 là “trắc” niêm với chữ thứ 2 của 4 cũng là “trắc”; chữ thứ 2 của câu 2 là “bằng” niêm với chữ thứ 2 của câu 3 cũng là “bằng”.  \* **Vần:** chỉ hiệp theo một vần ở cuối các câu 1, 2, 4 (cư – thư – hư)  \* **Đối:** Thơ tứ tuyệt không có quy định cụ thể và khắt khe như thất ngôn bát cú.  => Bài thơ tuân thủ về quy định về luật, niêm, vần, đối của một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường.  **2.** **Tìm hiểu 2 câu đầu: Giới thiệu vấn đề chủ quyền và khẳng định tính tất yếu không thể thay đổi của chủ quyền đất nước**  **- Câu đầu:**  + Tác giả dùng từ “Nam quốc” và Nam đế” để khẳng định tính tất yếu không thể thay đổi của chủ quyền đất nước.  + Từ “đế”: danh xưng cao nhất dành cho người đứng đầu một nước. Đối với triều đình phong kiến Trung Hoa, chỉ có vua của họ mới là “đế”, còn vua các nước nhỏ là “vương”, thấp hơn đế một bậc. Ở đây, tác giả dùng từ “Nam đế” để nhấn mạnh vị thế dân tộc và sự ngang hàng của vua nước Nam với phương Bắc.  + Cách ngắt nhịp: 4/3 hoặc 2/2/3: “*Nam quốc sơn hà/Nam đế cư” hoặc Nam quốc/sơn hà/Nam đế cư.*  -> Tác dụng: Tỏ rõ 2 vấn đề quan trọng nhất là “sông núi nước Nam” và “vua nước Nam” đi liền với nhau ngay trong câu mở đầu bài thơ. Đồng thời tạo âm điệu chậm rãi, trang nghiêm.  => Như vậy, câu đầu thể hiện niềm tự hào dân tộc.  **- Câu 2:**  +) ***Tiệt nhiên:*** rõ rệt, rành rành  +) ***Định phận:*** là định phần, phần nào ra phần đấy.  +) ***Thiên thư:*** Việc nói đến “thiên thư” (sách trời) trong câu thơ thứ hai cho thấy “tính pháp lí” của chủ quyền: chủ quyền đã được ghi rõ, quy định rõ bằng VB của “nhà trời”, không phải chuyện người thường muốn mà thay đổi được và cũng không thể thay đổi được bằng hành vi xâm lược.  -> Bằng lí lẽ chắc chắn, đầy tự tin; giọng thơ Đanh thép, hùng hồn, tác giả diễn tả sự vững vàng của tư tưởng và niềm tin sắt đá vào chân lí.  => Tình cảm, cảm xúc của người viết:  + Khẳng định nước Nam là một nước có độc lập, có chủ quyền, có lãnh thổ riêng. Đó là một sự thật hiển nhiên, không thể thay đổi**.**  + Tình cảm yêu vua, yêu nước, lòng tự hào dân tộc.  **3. Tìm hiểu hai câu cuối: Cảnh cáo việc quân giặc sang xâm lược và khẳng định kết cục tốt đẹp của chúng khi xâm lược lãnh thổ nước Nam**  **\* Câu 3:** **Phơi bày tội ác của giặc.**  **- Nghịch:** Phản lại ý trời, không tuân theo sự sắp đặt của tạo hóá.  - NT: Là câu hỏi, hướng về bọn giặc ngông cuồng.  **=>** *Bày tỏ thái độ của căm phẫn. Vạch trần, cảnh báo về hành động xâm lược liều lĩnh, phi nghĩa của phong kiến phương Bắc.*  **- Câu 4:** **Lời tuyên bố, cảnh cáo kẻ thù**  + Nhịp thơ 2/2/3: Giọng điệu mạnh mẽ, dứt khoát.  + Lời cảnh báo khẳng định sự thất bại của kẻ thù nếu chúng cố tình xâm lược nước ta.  + Khẳng định quyết tâm bảo vệ độc lập, chủ quyền lãnh thổ trước mọi kẻ thù xâm lược.  - Nêu ra chân lí thời đại: có áp bức – có đấu tranh.  **=> Khẳng định sức mạnh của dân tộc, tràn đầy niềm tin và lòng tự hào dân tộc.**  **4. Chủ đề và cảm hứng chủ đạo**  **- Chủ đề:** khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và ý chí, quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược.  **- Cảm hứng chủ đạo:** là tình cảm yêu nước mãnh liệt, lòng tự tôn dân tộc sâu sắc thông qua việc khẳng định chủ quyền của dân tộc và quyết tâm bảo vệ lãnh thổ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên đặt câu hỏi:  *1) Nêu những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ.*  - Học sinh tiếp nhận nghe và trả lời.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh hoạt động cá nhân, trao đổi, thống nhất ý kiến.  - Giáo viên quan sát.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện HS trả lời.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá. | **IV. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Ngắt nhịp 4/3, giọng thơ dõng dạc, trang nghiêm.  - Lí lẽ sắc bén, đanh thép.  **2. Nội dung**  - Là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên.  - Khẳng định chủ quyền của đất nước.  - Niềm tự hào dân tộc: Tự hào về truyền thống đấu tranh giữ nước của ông cha ta.  - Tin tưởng vào sự bền vững của độc lập dân tộc. |

|  |  |
| --- | --- |
| Luyện tập | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Trò chơi: Ong non học việc**  **Câu 1. Bài *Sông núi nước Nam* thường được gọi là gì?**  A. Hồi kèn xung trận  B. Áng thiên cổ hùng văn  C. Khúc ca khải hoàn  D. Bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên  **Câu 2. Bài *Sông núi nước Nam* được làm theo thể thơ nào?**  A. Thất ngôn bát cú  B. Thất ngôn tứ tuyệt  C. Ngũ ngôn  D. Song thất lục bát  **Câu 3. Hoàn cảnh ra đời của bài thơ gắn liền với trận chiến nào?**  A. Ngô Quyền đánh quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.  B. Trần Quang Khải chống giặc Mông - Nguyên ở bến Chương Dương.  C. Lí Thường Kiệt chống quân Tống trên sông Như Nguyệt.  D. Quang Trung đại phá quân Thanh.  **Câu 4. Bài thơ đã nêu bật nội dung gì*?***  A. Nước Nam là nước có chủ quyền và không một kẻ thù nào xâm phạm được.  B. Nước Nam là một đất nước văn hiến.  C. Nước Nam rộng lớn và hùng mạnh.  D. Nước Nam có nhiều anh hùng sẽ đánh tan giặc ngoại xâm.  **Câu 5. Bài thơ luật Đường thuộc luật bằng hay luật trắc được quy định bởi:**  A. Chữ thứ 2 của câu thơ thứ nhất  B. Chữ thứ 2 của câu thơ thứ hai  C. Chứ thứ 2 của câu thơ thứ ba  D. Chữ thứ hai của câu thơ cuối  **Câu 6. Bài thơ luật Đường thường gieo vần như thế nào?**  A. Gieo vần trắc  B. Gieo vần bằng  C. Gieo vần linh hoạt  D. Không gieo vần  **Câu 7. Bài thơ thất ngôn bát cú luật Đường chủ yếu sử dụng phép đối ở các câu thơ nào?**  A. Hai câu đề  B. Hai câu đề và hai câu thực  C. Hai câu thực và hai câu luận  D. Hai câu luận và hai câu kết  **Câu 8. Bài thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường thường có bố cục như thế nào?**  A. Khai – thừa – chuyển – hợp  B. Đề - thực – luận – kết  C. Hai câu đầu – hai câu sau  D. Ba câu đầu – câu cuối  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh chọn phương án TN đúng.  - Giáo viên quan sát.  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận**  **-** Hs trình bày các phương án được lựa chọn.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  \***Nhiệm vụ 2: PP Vấn đáp**  **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  *Nam quốc sơn hà* thường được xem là “bản tuyên ngôn độc lập” bằng thơ trong văn học Việt Nam và còn được gọi là bài thơ “Thần”. Hãy phát biểu ý kiến của em về điều này.  HS sử dụng kĩ thuật Think-Pair-Share để thể hiện ý kiến của mình về vấn đề được nêu ra.  **Bước 2:** HS thảo luận theo kĩ thuật Think-Pair-Share  **Bước 3:** GV mời HS chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình.  **Bước 4.** GV công bố kết quả.  **Dự kiến sản phẩm: Gợi ý:**  **\* Bài thơ *Nam quốc sơn hà* được xem là “bản tuyên ngôn độc lập” vì:**  - Bài thơ là lời tuyên bố hùng hồn về nền độc lập chủ quyền của đất nước:  + Nước Nam ta là một đất nước độc lập, có chủ quyền riêng và vua chính là đại diện tối cao cho dân tộc. Trong lời tuyên bố về chủ quyền, tác giả còn thể hiện sâu sắc thái độ tự hào, tự tôn dân tộc khi coi nước Nam là một nước ngang hàng với nước Bắc, vua Nam bằng vai với hoàng đế Trung Quốc, qua việc sử dụng từ "đế" mà không dùng từ "vương".  + Trong bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên ấy, cha ông ta không chỉ khẳng định nền độc lập và chủ quyền của dân tộc mà còn thể hiện rõ ý chí quyết tâm bảo vệ đến cùng nền độc lập và chủ quyền của dân tộc.  - Bài thơ *Nam quốc sơn hà* còn gọi là bài thơ “Thần”: dựa vào truyền thuyết về sự ra đời của bài thơ: Năm 1077, khi quân Tống sang xâm lược nước ta, vua Lý Nhân Tông cử Lý Thường Kiệt đem đại quân lên phía Bắc chặn giặc ở phòng tuyến sông Như Nguyệt. Một đêm, quân sĩ nghe thấy trong đền thờ Trương Hống – Trương Hát có tiếng ngâm bài thơ này. Từ đó, tinh thần quân sĩ lên cao. Lý Thường Kiệt liền cho quân vượt sông, tổ chức một trận quyết chiến đánh thẳng vào trại giặc...  => Thần linh hóa tác phẩm văn học nhằm nâng cao ý nghĩa thiêng liêng của nó đối với tinh thần con người. |  |
| Vận dụng | |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV yêu cầu HS hoạt động nhóm**:  Nêu một số cứ liệu lấy từ lịch sử hoặc từ văn chương cho thấy tinh thần và ý chí trong bài thơ *Nam quốc sơn hà* đã trở thành truyền thống vẻ vang của dân tộc ta.  GV có thể tổ chức cho HS tìm hiểu, thảo luận, chơi trò chơi, đóng kịch ngắn về vấn đề đã nêu.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, thảo luận, tạo ra sản phẩm học tập theo yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV các nhóm báo cáo sản phẩm học tập (tiết học sau hoặc tiết học buổi chiều).  **-** HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, bổ sung. | HS có thể lấy dẫn chứng từ văn chương và lịch sử như *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn, *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi, các câu chuyện đi sứ của Mạc Đĩnh Chi,... |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc sưu tầm thêm các bài thơ luật Đường về tình yêu Tổ quốc.

- Chuẩn bị:

+ Đọc, tìm hiểu về văn bản “*Qua đèo ngang”* (đọc bài thơ, trả lời câu hỏi trong SGK).

+ Mỗi nhóm tìm hiểu thông tin về Đèo Ngang tại nhà và làm sản phẩm học tập thuyết trình về Đèo Ngang: Video, tranh ảnh, sơ đồ tư duy...